

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Bà Thạch Thị Mỹ Kim
 - Ông Kiên Ngọc Trương
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2023/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần X
Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tấn T, chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: Số B, đường P, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Duy T1, sinh năm 1980, theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023.
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Công ty cổ phần X1
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn H, chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Số F, đường B, Khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023 và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Từ Duy T1 trình bày:

Ngày 18/11/2019, Công ty cổ phần X do ông Nguyễn Vũ L làm đại diện và Công ty cổ phần X2 Nguyên do ông Nguyễn Tấn H làm đại diện ký kết hợp đồng mua bán bê tông số: 79/2019/HĐMB; ngày 21/5/2020, hai đại diện công ty ký tiếp hợp đồng nguyên tắc số: 42/2020/HĐNT về việc mua bán vật tư. Theo nội dung thỏa thuận Công ty X sẽ cung cấp bê tông thương phẩm, xi măng, cát đá, vật liệu xây dựng, vật tư phụ các loại phục vụ thi công công trình Bệnh viện đa khoa tỉnh T tại địa điểm phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 30/12/2022, Công ty X đã cung cấp bê tông thương phẩm và vật tư xây dựng các loại cho Công ty X1 theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận. Phía Công ty X1 đến ngày 30/12/2022 còn nợ Công ty X tổng cộng 677.145.963 (sáu trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Tính đến ngày 24/10/2023, Công ty X1 chỉ thanh toán thêm được 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng nên còn nợ lại Công ty X số tiền 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Mặc dù Công ty X đã nhiều lần liên hệ Công ty X1 để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng phía Công ty X1 vẫn không có thiện chí thanh toán. Nhận thấy việc Công ty X1 không thanh toán tiền nợ đã làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty chúng tôi. Nay tôi đại diện cho Công ty cổ phần X yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần X1 trả số tiền nợ gốc bằng 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/01/2023 cho đến khi Công ty X1 trả hết số tiền còn nợ.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần X1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần X1 – V phải trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần X số tiền mua bê tông còn nợ là 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/01/2023 cho đến khi Công ty X1 trả hết số tiền còn nợ.

Bị đơn Công ty Cổ phần X1 – Việt Nguyên vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X1 – V trả lại số tiền mua bê tông còn nợ là 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/01/2023 cho đến khi Công ty X1 trả hết số tiền còn nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Cổ phần X1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn Công ty Cổ phần X1 nợ tiền mua bê tông của nguyên đơn Công ty Cổ phần X là có thật, được thể hiện tại Hợp đồng mua bán bê tông số: 79/2019/HĐMB, ngày 18/11/2019 (BL 05-11) và Hợp đồng nguyên tắc số: 42/2020/HĐNT, ngày 21/5/2020 (BL 12-15) và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2022 (BL 16) do đại diện của hai công ty ký với nhau với số tiền nợ tổng cộng là 677.145.963 (sáu trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, phía Công ty X1 đã thanh toán cho Công ty X được 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng nên còn nợ lại Công ty X số tiền 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Do phía bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ là 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty Cổ phần X1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do xem như phía bị đơn cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần X1 phải trả số tiền mua bê tông còn nợ là 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về lãi suất: Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi suất do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng. Xét yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của pháp luật có đủ căn cứ như đề nghị của Viện đại diện viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời điểm tính lãi: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2022 với số tiền còn nợ là 677.145.963 (sáu trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Đến ngày 24/10/2023 phía Công ty X1 thanh toán được 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng, nên số tiền nợ còn lại 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ kể từ ngày 30/01/2023 là có phù hợp và cũng đảm bảo quyền lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy thời điểm tính lãi như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về số tiền lãi: Về thời gian tính lãi từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử 23/02/2024 là 12 tháng 25 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tổng tiền lãi là:

$$362.145.963đ \times 0.75\%/tháng \times 12 tháng 25 ngày = 34.829.425đ$$

[7] Về án phí: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X1 – V phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn Công ty Cổ phần X không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 398; 430; 440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 và Điều 317 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X1 phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần X tổng số tiền nợ là 396.975.588 (ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi tám) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 362.145.963 (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử 23/02/2024 là 34.829.425 (ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 24/02/2024, nếu bên phải thi hành án vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X1 – V phải nộp 19.849.000 (mười chín triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần X không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.000.000 (chín triệu) đồng mà Công ty Cổ phần X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018268, ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Chi